

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2021/DS-ST

Ngày 18-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Hồng Thi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ngọc Bờ

Ông Phạm Văn Trung

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diệu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 110/2021/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ cư trú: số 01, đường Hàm Nghi, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1967 và ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1971; cùng địa chỉ cư trú: ấp Cầu Dây, xã Thạnh Mỹ Tây, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các lần hòa giải và tại phiên tòa xét xử ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông là chủ hộ kinh doanh cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm Ngọc Mỹ. Ông với bà P, ông M thỏa thuận về việc mua bán thức ăn gia súc, ông bán thức ăn nuôi heo cho bà P, ông M, khi nào bà P, ông M bán heo sẽ trả tiền, giá bán thức ăn chưa bao gồm lãi. Đến ngày 10/01/2020 các bên đối chiếu và

xác nhận công nợ là bà P còn nợ ông 1.128.990.000 đồng. Nhưng khi bán heo bà P và ông M không trả nên yêu cầu Tòa án buộc bà P và ông M phải có trách nhiệm trả ông số tiền này và yêu cầu tính lãi từ ngày 10/01/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà P, ông M vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng Chánh án không ban hành Quyết định xin gia hạn thời gian chuẩn bị xét xử là vi phạm tố tụng, kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 48, 49, 51, 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do, xem như từ bỏ quyền tố tụng của mình, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Ông T khởi kiện yêu cầu bà P, ông M có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 1.128.990.000 đồng tiền mua bán thức ăn gia súc. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là các hóa đơn giao hàng và bản quyết toán công nợ. Xét thấy: Chứng cứ thể hiện có việc giao kết hợp đồng mua bán giữa ông T với bà P và đã có quyết toán công nợ thể hiện bà P còn nợ ông T số tiền 1.128.990.000 đồng, việc mua thức ăn cho heo ăn để phục vụ kinh tế gia đình, nên ông M là chồng buộc phải biết và phải có trách nhiệm liên đới cùng bà P trả nợ cho ông T, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ, toa hàng ngày 23/7/2019 có chữ ký của Huỳnh Thị P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Mặc dù theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày: nguyên đơn là đại lý cấp 1, bị đơn là đại lý cấp 2, nhưng Tòa án xác minh tại địa phương thì bà P và ông T không có kinh doanh hay mua bán và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tranh chấp của các đương sự là về hợp đồng dân sự – hợp đồng mua bán, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Huỳnh Thị P, ông Nguyễn Văn M Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn:

Nguyên đơn ông T yêu cầu khởi kiện buộc bà P, ông M phải trả cho ông 1.128.990.000 đồng tiền nợ mua thức ăn gia súc. Bị đơn bà P, ông M vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Xét giao dịch của các đương sự là về hợp đồng mua bán thức ăn gia súc nhưng các bên không xác lập bằng văn bản cụ thể, nhưng tại các toa hàng thể hiện bên bán là cửa hàng thức ăn gia súc Ngọc Mỹ (ông T là chủ cửa hàng), bên mua là bà Huỳnh Thị P, khi chốt công nợ nguyên đơn và bị đơn có ký xác nhận công nợ. Để củng cố chứng cứ cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn còn cung cấp chứng cứ khác là các toa hàng, trong đó toa hàng ngày 23/7/2019 có chữ ký của bà P với tổng số tiền là 1.128.990.000 đồng. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định pháp luật, nhưng bà P, ông T không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đối với bà P.

Việc bà P mua thức ăn gia súc với nhiều toa hàng, số lượng lớn để phục vụ kinh tế gia đình trong thời kỳ hôn nhân, buộc ông M phải biết, nên ông T yêu cầu ông M cùng liên đới với bà P chịu trách nhiệm trả nợ cho ông T là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do bà P, ông M vi phạm nghĩa vụ nên ông T yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất Nhà nước là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, các bên khi đối chiếu công nợ không thỏa thuận lãi suất do chậm nghĩa vụ nên

Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất là 10%/năm. Lãi được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 10/01/2020 đến ngày 18/5/2021 là 01 năm 4 tháng 8 ngày, với mức lãi suất là 10%/năm:

$1.128.990.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 8 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 153.040.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng vốn, lãi là  $1.128.990.000 \text{ đồng} + 153.040.000 \text{ đồng} = 1.282.030.000 \text{ đồng}.$

Về án phí:

Do yêu cầu được chấp nhận nên ông T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà P, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.460.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 430, Điều 430, Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T với bị đơn bà Huỳnh Thị P, ông Nguyễn Văn M.

Buộc bà Huỳnh Thị P, ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vốn, lãi là 1.282.030.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị P, ông Nguyễn Văn M phải chịu 50.460.900 đồng.

Ông Nguyễn Văn T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 22.785.000 đồng theo biên lai thu số 0003482 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ thời điểm nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Giũ    Nguyễn Hoàng Tuấn**

**Lê Thị Hồng Thi**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Hồng Thi**

*C, ngày 26 tháng 01 năm 2015*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

\* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

\* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

\* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi